

PHAY/BÀO



Máy Bào/Power Planer

1805N 155mm

1805N


Công suất	1,140 W
Bề rộng đường bào	155 mm
Độ sâu đường bào	3 mm
Tốc độ không tải	15,000 v/p
Tổng chiều dài	445 mm
Trọng lượng	7.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

Phụ kiện kèm theo: Bệ mài lưỡi bào (123006-2), đá mài (794060-9), tuýp siết bu lông 9 (782209-3).



Máy Bào/Power Planer

1911B 110mm

1911B


Công suất	840 W
Bề rộng đường bào	110 mm
Độ sâu đường bào	2 mm
Tốc độ không tải	16,000 v/p
Tổng chiều dài	355 mm
Trọng lượng	4.2 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

Phụ kiện kèm theo: Lưỡi bào 110 (793008-8), bệ mài lưỡi bào (123055-9), bộ điều chỉnh lưỡi (123062-2), tuýp siết bu lông 9 (782209-3), lưỡi bào HSS (D-71211), thanh dẫn hướng (191455-1).



Máy Bào/Power Planer

KP0800X 82mm

KP0800X


Công suất	620 W
Bề rộng đường bào	82 mm
Độ sâu đường bào	2.5 mm
Tốc độ không tải	17,000 v/p
Kích thước	285x158x158 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

Phụ kiện kèm theo: Lưỡi bào HSS 82mm (D-16346), bộ điều chỉnh lưỡi (123062-2), tuýp siết bu lông 9 (782209-3), bệ mài lưỡi bào (123004-6), thước dẫn (165581-2), giấy chống thấm (442198-1).



Máy Bào/Power Planer

N1900B 82mm

N1900B
Số lượng có hạn


Công suất	580 W
Bề rộng đường bào	82 mm
Độ sâu đường bào	1 mm
Tốc độ không tải	16,000 v/p
Tổng chiều dài	290 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

Phụ kiện kèm theo: Lưỡi bào HSS 82mm (D-16346), bệ mài lưỡi bào (123004-6), lưỡi (123062-2), tuýp siết bu lông 9 (782209-3), lưỡi bào (D-16346), bộ điều chỉnh , thanh dẫn hướng (195055-9).



Máy Bào Bàn/Planer

2012NB 304mm

2012NB


Công suất	1,650 W
Độ rộng đường bào	304 mm
Độ sâu đường bào	Bảo rộng 0 - 150mm: 3 mm Bảo rộng 150 - 240mm: 1.5 mm
Tốc độ cấp	8.5 m/phút
Kích thước khoan bào	304 x 771 mm
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Kích thước	483x771x401 mm
Trọng lượng	27 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

Phụ kiện kèm theo: Lưỡi bào 306 mm (199911-5), tuýp siết bu lông 9 (782203-5), khóa lục giác (783208-8), bộ điều chỉnh lưỡi (762016-0).



Lưỡi bào nhỏ/ HSS



Dùng cho máy	Kích thước mm	Hạng	Cái/hộp	Mã số
1805N	155	★★★	2	B-02864
2012NB	306	★★★	2	793346-8

Lưỡi bào nhỏ/ TC



Dùng cho máy	Kích thước mm	Hạng	Cái/hộp	Mã số
N1900B, KP0800, KP001G, DKP180, DKP181	82	★★★	2	A-82921 <i>Số lượng có hạn</i>
	82	★★	2	D-07945
	82	★	2	D-70823

Lưỡi bào/ HSS



Lưỡi bào/TC



Dùng cho máy	Kích thước mm	Hạng	Cái/hộp	Mã số
N1900B, KP0800, KP001G, DKP180, DKP181	82	★★	2	D-16346
	82	★	2	D-67228
1911B	110	★★	2	D-71211
1804N	136	★★	2	A-07428 <i>Số lượng có hạn</i> D-71227
1805N	155	★★	2	D-70910
2040	400	★★★	2	793019-3 <i>Số lượng có hạn</i>

Dùng cho máy	Kích thước mm	Hạng	Cái/hộp	Mã số
N1900B, KP0800, KP001G, DKP180, DKP181	82	★★	2	D-07967
	82	★	2	D-72207
1911B	110	★★	2	D-08822
1805N	155	★★★	2	793015-1

Bật Vít/ Vặn Vít/ Khoan
Tận
Khoan Búa/ Đục
Mài/ Chà Nhám/ Đánh Bóng
Cắt
Máy Đa Năng
Combo Kit
Cưa
Phay/ Bào
Siết chặt/ Cố định
Hút Bụi
Dòng Máy Chạm Sốc Cánh Quạt
Cân Mực/ Đo Khoảng Cách
Đèn
Tiện Ích
Áo
Máy Chuyên Dụng
Máy Điện MAKITA MT
Dùng Cụ Cầm Tay